

“SỐNG GỬI, THÁC VỀ” - TRIẾT LÝ NHÂN SINH TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI TÔN GIÁO VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

HUỲNH NGỌC THU*

Người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đa phần theo Phật giáo Nam tông, nên triết lý nhân sinh “sống gửi, thác về” được đề cập đến trong hầu hết các tôn giáo trong đó có Phật giáo Nam tông đã chi phối mọi hoạt động của họ. Song song việc tìm hiểu sự tác động của triết lý này đến đời sống, hành vi tôn giáo, bài viết phân tích hoạt động kinh tế của người Khmer dưới sự chi phối bởi yếu tố chánh nghiệp, chánh mạng để tạo ra lợi ích chân chính nhằm nuôi sống bản thân, gia đình, cũng như dùng lợi ích này để cúng dường chư tăng, hồi hướng công đức cho người thân quá cố và góp tiền làm từ thiện, xem đây như những hình thức sống tốt ở cõi tạm nhằm tạo ra nhiều quả phước để được hưởng ở kiếp sau.

Từ khóa: “sống gửi, thác về”, người Khmer, Phật giáo Nam tông, hành vi tôn giáo, hoạt động kinh tế

Nhận bài ngày: 08/6/2021; *đưa vào biên tập:* 14/6/2021; *phản biện:* 10/7/2021; *duyet đăng:* 10/8/2021

1. DẪN NHẬP

Người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hiện nay có gần 1,2 triệu người; trong đó, tập trung ở các tỉnh như Sóc Trăng (362.029 người), Trà Vinh (318.231 người), Kiên Giang (211.282 người), An Giang (75.878 người), Bạc Liêu (73.968 người), Cà Mau (26.110 người), Vĩnh Long (22.630 người)⁽¹⁾. Hầu hết người Khmer làm nông nghiệp, chỉ một số ít

buôn bán nhỏ lẻ và làm công nhân hoặc làm thuê. Người Khmer ở ĐBSCL sống tập trung thành cộng đồng, lấy ngôi chùa làm trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo. Tôn giáo chính của người Khmer ở đây là Phật giáo Theravada, hay còn gọi là Phật giáo Nam tông, hoặc Phật giáo Nam tông Khmer để phân biệt với Phật giáo Nam tông Kinh (của người Kinh theo Phật giáo Nam tông).

Theo khảo sát của chúng tôi, người Khmer ở ĐBSCL hiện nay có hơn 95% là tín đồ Phật giáo Nam tông (số còn lại theo Công giáo, Tin Lành), là

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

cộng đồng tôn giáo thuần khiết, nên triết lý của tôn giáo, đặc biệt là triết lý nhân sinh “sống gửi, thác về” đã chi phối mạnh mẽ đến hành vi tôn giáo cũng như hoạt động kinh tế của cộng đồng này.

2. TỔNG QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã có nhiều công trình nghiên cứu và công bố đề cập đến quan điểm “sống gửi, thác về” của người Khmer ở ĐBSCL. Trong bài *Những đặc điểm lịch sử, kinh tế, văn hóa ảnh hưởng đến sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (Trường hợp người Khmer và người Chăm)* Ngô Văn Lệ (2012: 303), cho thấy: “Người Khmer từ già đến trẻ, nam hay nữ, giàu hay nghèo sống trong phum, sóc họ vừa là một công dân và cũng là một phật tử, nên cuộc sống của họ luôn gắn bó với nhà chùa suốt cả đời mình. Quan niệm ‘sống gửi, thác về’ đã chi phối đến lối sống, mong muốn để phúc đức cho đời sau, người Khmer luôn làm phúc, góp công, góp của phụng sự chùa chiền, xây dựng ngôi chùa khang trang, uy nghiêm trong từng phum, sóc”. Thậm chí họ “không coi trọng ngôi nhà, nhà ở không cần phô trương biểu thị về sự giàu sang, bề thế của gia đình, họ tộc” (Phùng Thị Phượng Khánh, 2015). Theo Lý Hùng (2020: 39): “Với quan niệm cuộc sống ở trần gian chỉ là tạm bợ nên người Khmer luôn bằng lòng, chấp nhận cuộc sống thiếu thốn ở đời này và chăm chỉ lo tích đức cho đời sau; sự lệ thuộc quá nhiều của người

Khmer vào Phật giáo và sự đóng góp cho Phật giáo quá lớn so với thực lực kinh tế làm cho đời sống kinh tế của người Khmer thêm nghèo đói”. Nguyễn Thị Huệ (2020: 87) cũng cho rằng, việc người Khmer ở ĐBSCL chịu sự chi phối rất lớn của tư tưởng Phật giáo Theravada và tâm lý sùng đạo đã thể hiện rõ trong đời sống của họ, đó là tâm lý “sống gửi, thác về”, tin vào thế giới của “niết bàn” ...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu này đều có điểm tương đồng trong nhận định là do ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông với quan niệm “sống gửi, thác về”, nên người Khmer ở ĐBSCL “thụ động” trong đời sống của họ, kể cả trong hoạt động kinh tế và giáo dục: “chỉ lao động sản xuất giới hạn phục vụ cộng đồng nhỏ truyền thống, dẫn đến những hạn chế trong chiếm lĩnh thị trường, làm giảm sự cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay... không tạo dựng được nền tảng cho một sự phát triển, đặc biệt là phát triển bền vững...” (Ngô Văn Lệ, 2012: 306), “có tâm lý lười lao động, thụ động trông chờ vào phụ cấp, trợ cấp xã hội cũng như chính sách của Nhà nước” (Nguyễn Thị Huệ, 2020: 95), và “ít quan tâm đến chuyện học hành, nâng cao trình độ hiểu biết” (Lý Hùng, 2020: 39)... ; chỉ chú trọng đến việc cúng dường, làm thiện để tạo quả phước cho kiếp sau vì “... việc cúng dường, làm phước là điều rất thiêng liêng cao cả, nhiều gia đình giàu có sẵn sàng bỏ tiền của để làm phước cho chùa và cho những người nghèo

khổ trong phum, sóc của mình và những nơi lân cận” (Lý Hùng, 2020: 93).

Tuy nhiên, nếu thật sự “thụ động” trong hoạt động kinh tế nói riêng và trong đời sống sinh hoạt tộc người nói chung, thì người Khmer sống như thế nào và lấy gì để cúng dường chư tăng, làm phước giúp đỡ người nghèo, góp tiền của để xây chùa.

Để tìm hiểu về sự tác động, chi phối của quan điểm “sống gửi, thác về” đến hành vi tôn giáo và hoạt động kinh tế của người Khmer ở ĐBSCL, cùng với những thư tịch đã được công bố, chúng tôi sử dụng nguồn dữ liệu từ cuộc khảo sát với 100 bảng hỏi theo hộ gia đình được phân tích bằng chương trình SPSS 20 và 30 cuộc phỏng vấn sâu tại ba tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng và Kiên Giang năm 2020⁽²⁾.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. “Sống gửi, thác về”: triết lý nhân sinh tác động đến hành vi tôn giáo của người Khmer ở ĐBSCL

Cụm từ “sống gửi, thác về” theo Hán tự là “sinh ký, tử qui” (生寄,死歸), còn theo phiên âm tiếng Pali của người Khmer là “pheap-ni-chi-vit-che-bon-đó-à-son, le-chac-lôc-tâu-kon-leng-kho-luon-vinh” (ភាពនៃជីវិតជាបណ្តោះអាសន្ននាឋានលោកទៅកន្លែងខ្ពស់វិញ), nghĩa là

sống ở đời chỉ là tạm, khi chết mới trở về nhà, về với nơi chứa bản vị, bản ngã thật của con người. Nơi đó được định đoạt bởi hành vi của con người khi còn tại thế. Hành vi này sẽ quyết định nơi về của mỗi người khi còn

sống ở cõi trần (PVS. Danh U. 50 tuổi, trụ trì ở Kiên Giang). Đây có thể xem là một trong những triết lý nhân sinh mà hầu hết các tôn giáo trên thế giới đều đề cập, trong đó có Phật giáo Nam tông.

Theo quan điểm của Phật giáo Nam tông, nơi về của con người sau khi chết có thể là một trong sáu cõi như cõi Trời (tiếng Pali là Devas), cõi A Tu La (Asura), cõi Người (Manusya), cõi Súc sinh (Tiryagyon), cõi Ngạ quỷ (Preta), cõi Địa ngục (Naraka). Trong đó: 1) Cõi Trời là nơi an lạc, nơi hưởng phước báu, dành cho những người khi sống tạo nhiều thiện nghiệp. 2) Cõi A Tu La là nơi dành cho những người khi sống tạo được nhiều quả phước nhưng vẫn còn tâm sân hận; là nơi để tái sinh nếu con người vẫn còn tạo nghiệp xấu. 3) Cõi Người là nơi sống của con người, nơi có cả sự sung sướng và khổ đau tùy vào hoàn cảnh, quả phước do người đó tạo ra trước đó; tái sinh vào cõi này được xem là có lợi vì con người có thể nghe và làm theo chánh pháp để được giải thoát. 4) Cõi Súc sinh là nơi con người tái sinh làm động vật vì trước đây sống tàn độc lẫn nhau. Đây là cõi của sự đau khổ, do súc sinh sống theo bản năng, giết hại lẫn nhau. 5) Cõi Ngạ quỷ là nơi con người trước đó làm nhiều việc ác độc, tham lam... khi chết bị sanh làm ngạ quỷ để chịu đói khát. 6) Cõi Địa ngục là nơi con người tạo nghiệp xấu như giết chóc, trộm cắp, ngoại tình... khi chết bị đưa vào cõi này để chịu

nhieu hình phạt đau đớn cả thể xác và tinh thần (PVS. Thạch S. 54 tuổi, trụ trì ở Trà Vinh).

Trở về cõi nào trong sáu cõi trên là do sự quyết định bởi những hành vi của từng cá nhân khi còn sống ở thế gian. Triết lý này luôn nằm trong tâm thức của người Khmer, và dĩ nhiên không ai muốn sau khi chết bị sanh hoặc bị đưa vào cõi Súc sinh, Ngạ quỷ hay Địa ngục; mà luôn muốn mình được vào những cõi tốt đẹp như cõi Trời, A Tu La hoặc Người.

Theo quan niệm tôn giáo này, mặc dù con người đang sống chỉ là sống tạm, “sống gửi”; nhưng nơi “sống gửi” này lại quyết định nơi về sau cái chết (từ bỏ cõi tạm). Vì vậy, khi sống ở cõi tạm con người phải sống tốt, luôn cố gắng tạo nhiều công đức và quả phước.

Theo giáo lý của Phật giáo Nam tông, muốn tạo được nhiều quả phước và công đức, cần phải thực hiện 10 điều của Phật dạy. Đó là: 1) Phải bố thí, cúng dường rộng rãi, đặc biệt là cúng dường tứ vật dụng (gồm: y phục, vật thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh) cho chư tăng/tăng đoàn. Những điều cho đi không mong đợi sự hoàn trả từ người nhận; 2) Phải trì giới, giữ trong sạch về mặt đạo đức, luân lý, tự kiềm chế những hành động không lương thiện và cố gắng làm đúng theo bát chánh đạo⁽³⁾; 3) Phải trau dồi phát triển tâm linh của bản thân bằng cách thực hành thiền; 4) Phải hồi hướng phước báu cho người thân đã qua đời; 5) Phải phục vụ người khác; 6) Phải khiêm tốn; 7) Phải chánh kiến; 9)

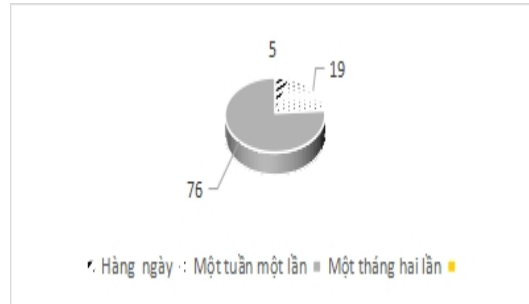
Phải thường xuyên nghe pháp; 10) Phải thực hành giảng pháp (PVS. Danh U. 50 tuổi, trụ trì ở Kiên Giang). Những điều này chỉ được thực hiện khi con người còn đang sống ở cõi tạm. Một khi đã thực hiện tốt và trọn vẹn những điều Phật dạy, quả phước và công đức của người đó sẽ viên mãn, tràn đầy. Lúc đó, họ sẽ trở về nơi tốt đẹp sau khi lìa bỏ thân xác lại ở cõi tạm (PVS. Thạch S. 54 tuổi, trụ trì ở Trà Vinh).

Trong những đợt khảo sát ở vùng ĐBSCL, chúng tôi nhận thấy, người Khmer luôn cố gắng thực hiện những điều trên. Trong đó có những điều rất dễ nhận biết như cúng dường chư tăng, hồi hướng phước báu cho người thân, thường xuyên nghe pháp, làm từ thiện...

Cúng dường chư tăng và hồi hướng công đức cho người thân quá cố luôn được thực hiện bằng các hình thức như dâng y cà sa, cúng dường trai tăng, cúng tứ vật dụng... vào các ngày mừng Một, Rằm hàng tháng và vào các dịp lễ của tôn giáo, của tộc người. Cũng trong những dịp lễ này, người Khmer đến chùa để nghe chư tăng thuyết pháp và giảng giải về Phật pháp nhằm hướng công việc, hành vi của mình theo đúng với bát chánh đạo. Chính điều này đã tác động, hình thành nên hành vi tôn giáo của người Khmer như thường xuyên đến chùa, dâng lễ vật cúng dường chư tăng, nghe thuyết giảng Phật pháp, đóng góp từ thiện để giúp đỡ cộng đồng... Kết quả khảo sát có 76% người

Khmer đến chùa vào mừng Một và ngày Rằm mỗi tháng, 19% đến chùa mỗi tuần một lần, có 5% đến chùa hàng ngày để làm công quả, không có trường hợp không đến chùa trong vài tháng qua (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Số lần đến chùa của người Khmer



Nguồn: Huỳnh Ngọc Thu, tư liệu khảo sát năm 2020.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, ngoài tâm thức truyền thống tộc người, người Khmer thường xuyên đến chùa do quan niệm chùa là nơi gửi gắm niềm tin tôn giáo cũng như niềm tin vào cuộc sống. Khi đến chùa, ngoài việc hành lễ, cúng dường tam bảo, cúng dường trai tăng, người Khmer còn gặp các vị sư để được tư vấn về những vấn đề liên quan đến cuộc

sống, đến công ăn việc làm, cũng như cách hành xử, dạy bảo con cháu trong gia đình... “*Sư trong chùa giống như những người thầy. Họ là những người cao quý, được người dân xem trọng, nên có gì thắc mắc đều đến hỏi sư, nhờ sư chỉ bảo*” (PVS. Danh V. 57 tuổi ở Trà Vinh).

Tùy vào điều kiện kinh tế, mỗi khi đến chùa người Khmer đều đem theo lễ vật (tiền, trái cây, thực phẩm...) để cúng dường, trung bình mỗi lần cúng dường khoảng 42 ngàn đồng, nhiều nhất là 200 ngàn đồng và thấp nhất là 2 ngàn đồng (Biểu đồ 2). “*Cúng dường chư tăng, tam bảo thì không có quy định là bao nhiêu, tùy theo người dân, có người cúng nhiều, có người cúng ít; nhiều hay ít cũng đều tạo phước cho bản thân; cúng một vài ngàn cũng xem là tự tạo phước rồi*” (PVS. Danh U. 50 tuổi, trụ trì, ở Kiên Giang).

Theo giáo lý, việc cúng dường chư tăng và tam bảo là một trong 10 điều để tạo quả phước của tín đồ. Người Khmer đến chùa ngày mừng Một và Rằm là nhằm hồi hướng phước báu

cho người thân đã mất và nghe Phật pháp để tạo thêm quả phước cho mình. Nội dung thuyết pháp xoay quanh vấn đề đạo pháp, hướng thiện, đạo đức, hiếu thuận, chia sẻ sự khó khăn với mọi người do Sư cả trụ trì chùa

Biểu đồ 2. Chi phí cho một lần dâng lễ vật của người Khmer



Nguồn: Huỳnh Ngọc Thu, tư liệu khảo sát năm 2020.

hoặc những vị phụ trách đảm nhiệm... *“Thuyết pháp là giúp cho người dân biết cái đúng, cái sai để thực hiện cho tốt theo lời dạy của Đức Phật. Nội dung thuyết pháp thì nhiều, có lúc nói về đạo đức trong công việc, nói về cách dạy con cái, nói về làm từ thiện, nói về ý nghĩa của các buổi lễ... Nói như vậy để hướng người dân hiểu và sống tốt hơn, giúp cho họ từng bước tích quả phước cho bản thân”* (PVS. Kim T. 62 tuổi, trụ trì, ở Kiên Giang).

Tại những buổi thuyết pháp này hành động thực hiện giáo pháp cụ thể là quyên góp từ thiện, giúp đỡ cộng đồng của người Khmer. Kết quả phân tích cho thấy, trung bình một lần góp tiền từ thiện gần đây nhất của 100 hộ khảo sát là 99 ngàn đồng, trong đó hộ góp cao nhất là 2 triệu và thấp nhất là 30 ngàn đồng (Biểu đồ 3).

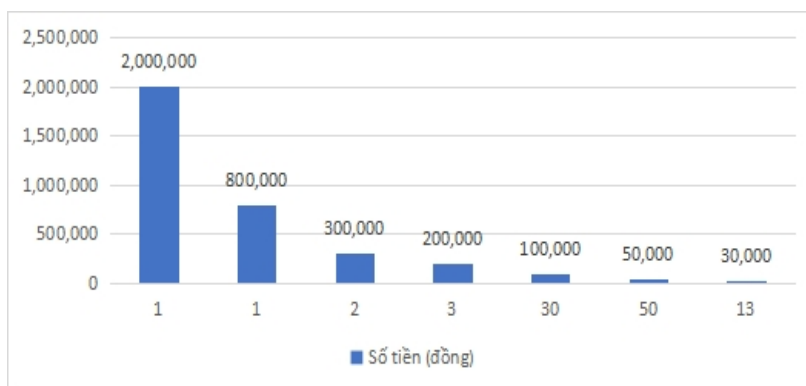
Tiền Ban Quản trị kêu gọi quyên góp sau mỗi buổi thuyết pháp được đóng trực tiếp cho thư ký của Ban Quản trị chùa. Sau đó, số tiền được báo cáo về Ban Quan sự và Sư cả trụ trì. Tiền

này được sử dụng vào các công việc như cấp học bổng cho con em người Khmer trong khu vực, dùng để trợ cấp cho người nghèo khó, đóng góp vào các hoạt động từ thiện do cơ quan, đoàn thể ở địa phương kêu gọi. *“Chùa không có tiền, nhưng việc thực hiện công tác từ thiện là cần thiết và bắt buộc. Đoàn thể ở địa phương hay kêu gọi đóng góp, rồi chùa cũng cần có kinh phí để giúp đỡ đồng bào khó khăn, gặp thiên tai, lũ lụt, hoặc cho học bổng các em học sinh vào những dịp lễ lớn như Chol Chnam Thomay; Ok Om Bok... nên phải kêu gọi người dân đóng góp và họ rất sẵn lòng. Góp nhiều hay ít thì tùy, nhưng cũng đều có phước”* (PVS. Thạch N. 52 tuổi, trụ trì, ở Trà Vinh).

Như vậy, với triết lý nhân sinh xem cuộc sống hiện tại là “sống gửi”, nhưng người Khmer theo Phật giáo Nam tông không vì thế mà sống một cách thờ ơ, tạm bợ. Họ luôn nỗ lực trong đời sống tôn giáo của mình. Chính điều này đã tác động đến những hành vi tôn giáo cụ thể của họ

như thường xuyên đến chùa, cúng dường chư tăng, hồi hướng phước báu, nghe thuyết pháp, đóng góp từ thiện để chia sẻ sự khó khăn với cộng đồng... Thực hiện những điều này không chỉ giúp ích cho cộng đồng,

Biểu đồ 3. Số tiền góp từ thiện trong một lần của các hộ Khmer



Nguồn: Huỳnh Ngọc Thu, tư liệu khảo sát năm 2020.

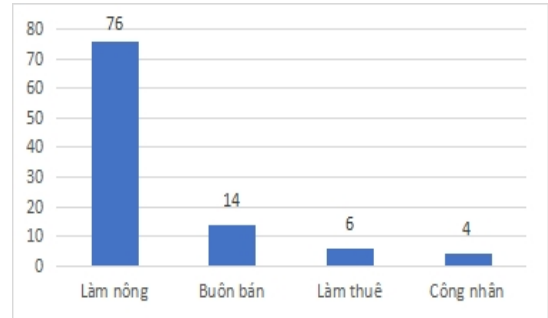
cho tôn giáo hiện tại mà còn nhằm tạo quả phước cho bản thân để khi mất đi được “trở về” nơi tốt đẹp như đã đề cập đến trong giáo lý Phật giáo Nam tông.

3.2. “Sống gửi, thác về”: triết lý nhân sinh tác động đến hoạt động kinh tế của người Khmer ở ĐBSCL

Xuất phát từ quan niệm triết lý nhân sinh về “sống gửi, thác về”, trong đó, chính cuộc “sống gửi” ở đời này sẽ quyết định con người sẽ “thác về” đâu nên trong các hoạt động kinh tế, người Khmer luôn tuân thủ hai yếu tố chánh nghiệp và chánh mạng. Đây là hai yếu tố nằm trong Bát chánh đạo của giáo lý Phật giáo Nam tông. Một trong những nội dung quan trọng của chánh nghiệp là nhấn mạnh đến việc làm chân chính, được thực hiện bằng chính sức lao động chân tay hoặc trí óc để tạo ra thực phẩm lương thiện nuôi sống bản thân, không gây sự đau khổ cho người khác. Chánh mạng mang hàm ý nuôi sống bản thân bằng nghề nghiệp chân chính, không bóc lột, xâm hại đến lợi ích của người khác. Đây được xem là hai nẻo tu tập để thoát khỏi địa ngục, nợ quỷ và súc sinh (Thông Lạc, 2011: 79).

Nông nghiệp là sinh kế của người Khmer ở ĐBSCL. Ngoài ra, họ còn làm thêm những công việc như buôn bán nhỏ, làm công nhân hoặc làm thuê. Kết quả phân tích nghề nghiệp của 100 chủ hộ cho thấy, có đến 76% làm nông nghiệp, 14% buôn bán nhỏ, 6% làm thuê và 4% làm công nhân (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 4. Nghề nghiệp của chủ hộ Khmer



Nguồn: Huỳnh Ngọc Thu, tư liệu khảo sát năm 2020.

Trong đó, hoạt động nông nghiệp hiện nay của người Khmer chủ yếu là trồng lúa và hoa màu. Người Khmer đã sử dụng kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều thế hệ, gọi là tri thức tộc người, để canh tác như chọn giống, lai giống, làm thủy lợi, xỏ phèn, cải tạo đất...; và cũng áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất như cơ giới hóa công cụ lao động, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu... để tăng năng suất. Nhưng điều đặc biệt là họ không quá lạm dụng phân bón cũng như thuốc trừ sâu, vì cho rằng sẽ gây hại cho môi trường và cho cả con người. “*Mình luôn biết là sử dụng nhiều thuốc trừ sâu và phân bón hóa học sẽ có hại cho môi trường và sức khỏe người sử dụng. Điều này là rất ác, gọi là ác nghiệp, nên mình không làm. Chỉ khi nào thật cần thiết mới sử dụng, nhưng vừa phải. Nếu sử dụng nhiều những thứ đó sẽ bị quả báo về sau*” (PVS. Kim K. 54 tuổi ở Trà Vinh). Đây chính là yếu tố chánh nghiệp được thể hiện trong hoạt động nông nghiệp này.

Khi khảo sát ở khu vực chợ Đại An (huyện Trà Cú, tỉnh Sóc Trăng), chúng tôi nhận thấy, ngoài những phụ nữ người Khmer mở tiệm chuyên bán hàng nông sản, tạp hóa, còn có một số bán đồ thờ cúng như tượng Phật, tranh vẽ liên quan đến Phật giáo, những vật phẩm để cúng dường chư tăng như y, bát, nhang đèn.... Theo những người bán hàng, việc bán những mặt hàng này diễn ra sôi động nhất vào các dịp lễ hội như Lễ mừng năm mới (Chol Chnam Thomay), lễ cúng trăng (Ok Om Bok), lễ báo hiếu (Sel Dolta), lễ dâng y (Kathina)... Khi đó, người Khmer mua nhiều các mặt hàng này để cúng dường, và người bán cũng vì thế có được thu nhập tốt hơn so với ngày thường. *“Mỗi một đám cúng, người Khmer đều phải mua hàng. Mặt hàng họ thường mua là y, bát cho nhà sư, mâm, ầm tách, chén ăn cơm, bình trà, chén uống trà và vải sợi. Khi làm lễ xong họ mang vào chùa cúng dường cho chư tăng dùng”* (PVS. Thi D. 45 tuổi ở Sóc Trăng). Ngoài ra, trong khu vực cư trú cũng có nhiều tiệm tạp hóa của người Khmer bán mắm, muối, nước tương, đường, bột ngọt, bánh kẹo...; Hoặc bán nước mía, nước ngọt, bánh kẹo gần chùa... Trong buôn bán người Khmer không lừa dối, buôn gian, bán thiếu.... *“Mình cũng không làm gì để người khác xem là hung dữ, độc ác, gian dối, vì bán những thứ này [những mặt hàng liên quan đến tôn giáo], phải thật lòng, không nói thách, bán giá cao, như vậy mất phước của mình”;*

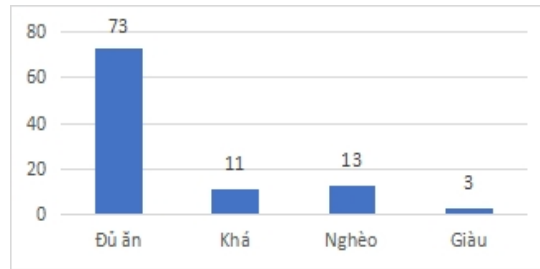
“Bán tạp hóa này lời không nhiều, nhưng được cái tiện cho bà con trong xóm, họ thiếu ít mắm, muối, hay đường, bột ngọt thì đến mua chỗ mình, mình cũng có đồng ra đồng vào chi tiêu. Ở đây mình không nói thách hay bán giá cao, vì người dân mình đều khó khăn, hơn nữa ở gần chùa thì cũng phải biết tích đức để tạo quả phước” (PVS. Thạch Thị L. 57 tuổi ở Trà Vinh).

Bên cạnh đó, hiện nay có không ít người Khmer tham gia công việc làm thuê, làm công nhân để mưu sinh. Khi thực hiện nghề này, yếu tố chánh nghiệp vẫn luôn được đặt lên hàng đầu, đó là sự chính trực, cần cù, siêng năng trong công việc. Có như vậy, họ mới giữ được nghề để có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. *“Làm công nhân là phải siêng năng, đúng giờ mới được, nếu không sẽ bị mất việc. Mà làm nghề gì cũng vậy, phải cố gắng hết sức của mình, làm hết công việc của mình thì sẽ luôn được người khác xem trọng”* (PVS. Thạch Văn N. 38 tuổi ở Sóc Trăng).

Điều này ít nhiều tác động đến kinh tế gia đình của người Khmer ở ĐBSCL hiện nay.

Phân tích 100 bảng hỏi về kinh tế của gia đình người Khmer, kết quả cho thấy, đa phần họ tự đánh giá ở mức đủ ăn (chiếm 73%), có nhiều trường hợp tự cho là khá giả (chiếm 11%) và giàu (chiếm 3%); có khoảng 13% cho là đang ở mức nghèo khó (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5. Người Khmer tự đánh giá mức kinh tế của gia đình hiện nay



Nguồn: Huỳnh Ngọc Thu, tư liệu khảo sát năm 2020.

Tuy kinh tế ở mức đủ ăn, song điều quan trọng đối với người Khmer là luôn chú trọng đến yếu tố chánh nghiệp và nuôi sống bản thân, gia đình theo nguyên tắc chánh mạng, không chủ ý gây hại cho cộng đồng xã hội bằng những việc làm và hành vi không lương thiện như đầu độc, gây hại cho môi trường, con người; không lừa dối, xảo trá... và được xem là người hiền lành, tích cực, siêng năng trong lao động. Theo giáo lý Phật giáo Nam tông, những điều này không chỉ mang đến lợi ích chân chính cho bản thân, gia đình và cộng đồng mà còn tạo được quả phước để được hưởng sự an nhàn, hạnh phúc về sau. Đây cũng chính là mục đích sống của người Khmer theo Phật giáo Nam tông tại ĐBSCL.

Như vậy có thể thấy, hoạt động kinh tế của người Khmer theo Phật giáo Nam tông luôn được chú trọng đến yếu tố chánh nghiệp, chánh mạng; không chỉ nuôi sống bản thân, gia đình bằng nghề nghiệp chân chính mà còn góp phần tạo nên sự tốt đẹp cho xã hội, để từ đó tạo nên nhiều quả phước.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, người Khmer ở ĐBSCL trong quá khứ cũng như hiện nay luôn chịu ảnh hưởng bởi triết lý nhân sinh “sống gởi, thác về”. Đối với họ, đây là hai mệnh đề không tương phản nhau mà trái lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. “Sống gởi”, nên đối với người Khmer cuộc đời chỉ là cõi tạm, nhưng mỗi cá nhân phải luôn nỗ lực để sống cho xứng đáng ở cõi tạm này. Đó là phải sống trong niềm tin tôn giáo, thực hành theo giáo điều của Đức Phật và giáo lý Phật giáo Nam tông. Trong đời sống tôn giáo, những hành vi tôn giáo của họ luôn hướng đến thực hiện theo 10 điều dạy của Đức Phật; trong đó có những điều được biểu hiện cụ thể như cúng dường trai tăng, tam bảo, hồi hướng phước báu cho người thân quá cố, làm từ thiện để giảm bớt sự khó khăn cho cộng đồng... Trong hoạt động kinh tế cũng vậy, người Khmer luôn chú trọng đến yếu tố chánh nghiệp, chánh mạng khi thực hiện công việc của mình. Họ nuôi sống bản thân, gia đình bằng những công việc chân chính do chính sức lao động của họ bỏ ra. Khi làm việc, họ luôn cần cù, siêng năng và không gây hại cho môi trường, cộng đồng và xã hội. Sự nỗ lực thực hiện những điều tốt đẹp trong hành vi tôn giáo cũng như trong hoạt động kinh tế của người Khmer ở cuộc sống được cho là tạm này nhằm tạo dựng công đức, và phước báu để được hưởng ở kiếp sau, khi “thác về”. Tùy theo công đức và quả phước tạo

ra ở “cõi tạm” mà “nơi về” có thể là: cõi Trời, cõi A Tu La, cõi Người hoặc cõi Súc sinh, cõi Ngạ quỷ, cõi Địa ngục. Do đó có thể nói, người Khmer theo Phật giáo Nam tông sống ở cõi tạm để tạo “nhân”, khi chết “trở về” để hưởng “quả”. Đây cũng chính là triết lý nhân sinh của Phật giáo nói chung và Phật giáo Nam tông nói riêng chi phối đến đời sống hiện tại của cộng đồng Khmer ở ĐBSCL.

Ngoài ra, nghiên cứu này cũng cho thấy, triết lý nhân sinh về “sống gửi, thác về” không làm cho người Khmer ở ĐBSCL trở nên thụ động, không muốn làm giàu, phô trương sự giàu có của họ, không tạo nên sự cạnh tranh trên thương trường như nhận định của các nghiên cứu trước. Bằng chứng là người Khmer ở đây vẫn biết áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào hoạt động nông nghiệp của họ. Nhưng khi áp dụng, họ luôn có sự

cân nhắc trong yếu tố chánh nghiệp và chánh mạng, đó là không lạm dụng chất hóa học để gây hại cho người và môi trường. Họ vẫn luôn cố gắng làm giàu, và đã có nhiều gia đình trở nên khá giả và giàu có. Chỉ khi khá giả và giàu có, họ mới có điều kiện tốt để góp tiền từ thiện, thực hiện lễ dâng y, cúng dường trai tăng, góp tiền xây chùa... Sự cố gắng làm việc của họ đều dựa trên nguyên tắc lợi ích chân chính. Khi đó, việc xây chùa, làm từ thiện, cúng dường chư tăng/tăng đoàn từ lợi ích chân chính này mới khiến họ nhận được quả phước để trở về nơi tốt đẹp sau khi chết. Do đó, không thể nói rằng, người Khmer vì xem đây cuộc sống tạm, là nơi “sống gửi” mà trở nên thụ động; trái lại, họ luôn cố gắng trong cuộc sống để đạt được những thành quả chân chính để được trở về nơi tốt đẹp sau cái chết. □

CHÚ THÍCH

Bài viết này thuộc đề tài mã số 603.05-2019.01, được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED).

⁽¹⁾ Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số người Khmer ở vùng ĐBSCL là 1.141.241 người (Tổng cục Thống kê, 2020: 57).

⁽²⁾ Địa điểm khảo sát cụ thể của ba đợt là: 1) xã Hoài Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (vào tháng 7/2020), nơi có gần có hơn 80% hộ gia đình là người Khmer; 2) xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vào tháng 9/2020), nơi có 60% hộ gia đình là người Khmer; 3) xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (vào tháng 11/2020), nơi có hơn 50% hộ gia đình là người Khmer.

⁽³⁾ Bát chánh đạo gồm: 1) Chánh kiến, 2) Chánh tư duy, 3) Chánh ngữ, 4) Chánh nghiệp, 5) Chánh mạng, 6) Chánh tinh tấn, 7) Chánh niệm, 8) Chánh định.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Lý Hùng. 2020. *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông trong đời sống xã hội của người*

Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

2. Ngô Văn Lệ. 2012. “Những đặc điểm lịch sử, kinh tế, văn hóa ảnh hưởng đến sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (Trường hợp người Khmer và người Chăm)” trong *Khoa học xã hội và văn hóa tộc người: hội nhập và phát triển*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

3. Nguyễn Thị Huệ. 2020. “Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay”. Trong đề tài thuộc chương trình “*Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030*” của Ủy Ban Dân tộc. Mã số CTDĐT.50.18/16-20). Nghiệm thu tháng 10/2020.

4. Nhóm thực hiện đề tài. 2020. Tập hợp các bản phỏng vấn sâu (PVS) chức sắc trụ trì như trụ trì Danh U. 50 tuổi ở Kiên Giang; trụ trì Thạch S. 54 tuổi ở Trà Vinh; trụ trì Kim T. 62 tuổi ở Kiên Giang; trụ trì Thạch N. 52 tuổi ở Trà Vinh thuộc đề tài mã số 603.05-2019.01 năm 2020. Tài liệu đang được lưu trữ tại Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM.

5. Nhóm thực hiện đề tài. 2020. Tập hợp các bản phỏng vấn sâu (PVS) người dân như Danh V. 57 tuổi ở Trà Vinh; Kim K. 54 tuổi ở Trà Vinh; Thi D. 45 tuổi ở Sóc Trăng; Thạch Thị L. 57 tuổi ở Trà Vinh; Thạch Văn N. 38 tuổi ở Sóc Trăng thuộc đề tài mã số 603.05-2019.01 năm 2020. Tài liệu đang được lưu trữ tại Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM.

6. Phùng Thị Phượng Khánh. 2015. “Xây dựng nông thôn mới gắn với thực trạng văn hóa - xã hội của người Khmer ở tỉnh Trà Vinh”. Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số 17/2015.

7. Thông Lạc. 2011. *Đường về xứ Phật*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

8. Tổng cục Thống kê. 2020. *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.